

Số: 75 /TB-UBND

Đồng Hỷ, ngày 26 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lấy ý kiến đóng góp về
Kế hoạch sử dụng đất bổ sung năm 2025 huyện Đồng Hỷ

Căn cứ quy định tại Điều 70, Luật Đất đai 2024;

Căn cứ Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của UBND thị trấn Hoá Thượng về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025; Đề nghị của các Chủ dự án sử dụng đất trên địa bàn huyện;

Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ thông báo lấy ý kiến vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đồng Hỷ như sau:

1. Hồ sơ lấy ý kiến gồm:

- Danh mục chi tiết các công trình, dự án đăng ký mới thực hiện năm 2025 Đồng Hỷ (Kèm theo Phụ lục I).
- Danh mục chi tiết các công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2025 Đồng Hỷ (Kèm theo Phụ lục II).
- Danh mục dự án đăng ký mới năm 2025 huyện Đồng Hỷ (Kèm theo Phụ lục III).
- Danh mục dự án chuyển tiếp năm 2025 huyện Đồng Hỷ (Kèm theo Phụ lục IV).
- Điều chỉnh tên, địa điểm, diện tích đối với công trình, dự án trên địa bàn huyện Đồng Hỷ (Kèm theo Phụ lục V).
- Danh sách chi tiết xin chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đăng ký bổ sung năm 2025 trên địa bàn huyện Đồng Hỷ (Kèm theo Phụ lục VI).

2. Hình thức đóng góp ý kiến:

Gửi ý kiến gửi trực tiếp đến phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Đồng Hỷ, địa chỉ TDP Xuân Quang, thị trấn Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thời hạn lấy ý kiến:

Theo quy định tại Điều c, Khoản 3, Điều 70 Luật đất đai năm 2024.

4. Tổ chức thực hiện:

- Giao Phòng Văn hóa và Thông tin đăng tải nội dung thông báo lên trang thông tin điện tử của huyện.
- Giao UBND các xã, thị trấn: Đăng tải Thông báo lên trang thông tin điện tử; Niêm yết tại trụ sở UBND các xã, thị trấn.
- Giao phòng Nông nghiệp và Môi trường: Tiếp nhận các ý kiến đóng góp, tổng hợp hoàn thiện hồ sơ báo cáo UBND huyện trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Trên đây là Thông báo của UBND huyện Đồng Hỷ về lấy ý kiến đóng góp về Kế hoạch sử dụng đất bổ sung năm 2025 huyện Đồng Hỷ đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm đóng góp ý kiến./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NNMT.



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**
Nguyễn Trọng Hiếu

CHÚ Ý: Chỉ điền số liệu vào các ô trắng, không điền số liệu vào các ô màu vàng vì đã đặt sẵn công thức tính

Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)																																																																																										
			Đất nông nghiệp	Trong đó:											Đất phi nông nghiệp	Đất ở nông thôn	Đất ở đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất quốc phòng	Đất an ninh	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	Trong đó:											Đất xây dựng cơ sở văn hoá	Đất xây dựng cơ sở xã hội	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	Đất xây dựng cơ sở môi trường	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thuỷ văn	Đất cơ sở ngoại giao	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	Trong đó:											Đất khu công nghiệp	Đất cụm công nghiệp	Đất thương mại, dịch vụ	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	Trong đó:											Đất công trình giao thông	Đất công trình thuỷ lợi	Đất công trình cấp nước, thoát nước	Đất công trình phòng, chống thiên tai	Đất có di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh	Đất công trình xử lý chất thải	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	Đất công trình hạ tầng bưu chính viễn thông, CNTT	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	Đất tôn giáo	Đất tín ngưỡng	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, lưu trữ tro cốt	Đất có mặt nước chuyên dùng	Đất phi nông nghiệp khác	Nhóm đất chưa sử dụng						
				Đất trồng cây hằng năm khác	Đất trồng lúa còn lại	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng cây hằng năm	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất chăn nuôi tập trung	Đất nông nghiệp khác	Đất phi nông nghiệp								Đất ở nông thôn	Đất ở đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất quốc phòng	Đất an ninh	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	Đất xây dựng cơ sở xã hội	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao												Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	Đất xây dựng cơ sở môi trường	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thuỷ văn	Đất cơ sở ngoại giao	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	Đất khu công nghiệp	Đất cụm công nghiệp	Đất thương mại, dịch vụ	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản							Đất sử dụng vào mục đích công cộng	Đất công trình giao thông	Đất công trình thuỷ lợi	Đất công trình cấp nước, thoát nước	Đất công trình phòng, chống thiên tai	Đất có di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh	Đất công trình xử lý chất thải	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	Đất công trình hạ tầng bưu chính viễn thông, CNTT	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng																	Đất tôn giáo	Đất tín ngưỡng	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, lưu trữ tro cốt	Đất có mặt nước chuyên dùng	Đất phi nông nghiệp khác	Nhóm đất chưa sử dụng
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55																																								
Tổng cộng		1,38	1,33	0,00	0,08	0,00	0,70	0,56	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,05	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,05	0,05	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00																																							
I. Đất nông nghiệp		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,05	0,05	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00																																						
II. Đất phi nông nghiệp		1,38	1,33	0,00	0,08	0,00	0,70	0,56	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,05	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,05	0,05	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00																																					
7.4. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		1,38	1,33	0,00	0,08	0,00	0,70	0,56	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,05	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,05	0,05	0,00	0,00	0,00	0,05	0,05	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00																																					
Nhà máy sản xuất trà Kombucha	Xã Hoà Trung, huyện Đông Hồ	1,38	1,33		0,08		0,695	0,56						0,05						0,00											0,00		0,05	0,05	0,00																																																										
Dự án	Xã huyện	0,00	0,00											0,00						0,00											0,00																																																														
7.5. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00																																						
Dự án	Xã huyện	0,00	0,00											0,00						0,00											0,00																																																														
8. Đất sử dụng vào mục đích công cộng		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00																																					
13. Đất phi nông nghiệp khác		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00																																				
Dự án	Xã huyện	0,00	0,00											0,00						0,00											0,00																																																														
Dự án	Xã huyện	0,00	0,00											0,00						0,00											0,00																																																														

[illegible]

Phụ lục III

Danh mục 02 dự án đăng ký mới năm 2025 huyện Đồng Hỷ

(Kèm theo Thông báo số 75 /TB-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Đồng Hỷ)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	HUYỆN ĐỒNG HỠ							
1	Xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Hang Trai	Xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ	0,86	0,00	0,86			0,00
2	Xây dựng, khai thác và chế biến đá vôi tại mỏ đá vôi Quang Sơn	Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ	1,25	0,00	0,86			0,39
		Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	0,54	0,00	0,00			0,54

Phụ lục IV

Danh mục 01 dự án chuyển tiếp năm 2025 huyện Đồng Hỷ

(Kèm theo Thông báo số **75** /TB-UBND ngày **26** tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Đồng Hỷ)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	HUYỆN ĐỒNG HỖ							
1	Nhà máy sản xuất trà Kombucha	Xã Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ	1,38	0,08	0,56			0,74

Handwritten signature

Phụ lục V

Điều chỉnh tên, địa điểm, diện tích đối với 01 công trình, dự án trên địa bàn huyện Đồng Hỷ
(Kèm theo Thông báo số 75 /TB-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ)

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt										Nay điều chỉnh lại như sau					Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		
A	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh														
I	Nhà máy sản xuất trà Kombucha	Xã Hoà Trung, huyện Đông Hỷ Thị trấn Sông Cầu, huyện Đông Hỷ	1,30 0,20	0,04			1	Nhà máy sản xuất trà Kombucha	Xã Hoà Trung, huyện Đông Hỷ	1,38	0,08			1,30	Điều chỉnh địa điểm thực hiện tại xã Hoà Trung và cơ cấu sử dụng đất theo đề nghị của chủ dự án

22

PHỤ LỤC VI

DANH SÁCH CHI TIẾT XIN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ ĐÓNG SỔ SUNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỒNG HỖ (CÓ SỬ DỤNG TỪ ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG)

Kiểm theo Thông báo số 75 /TB-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Đồng Hỷ

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện...)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất đã được cấp GCNQSD đất (ha)	Loại đất (LUC, LUK, RSX, RPH hoặc RDD)	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)				Hồ sơ pháp lý đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất	Sự phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 và quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan (không định phải phù hợp hay không phù hợp)	Sự phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 (không định phải phù hợp hay không phù hợp)	Tình trạng sử dụng đất (ghi rõ: chưa thực hiện hoặc đã san lấp mặt bằng hoặc đã xây dựng công trình, nếu vi phạm thì đã xử phạt và nộp tiền phạt chưa)	Thời điểm vi phạm (ghi rõ ngày, tháng, năm vi phạm)	Thời điểm xử phạt vi phạm (ghi rõ ngày, tháng, năm xử phạt)
							Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm khác	Sang đất nuôi trồng thủy sản						
A	HUYỆN ĐỒNG HỖ															
I	Thị trấn Hoà Thượng															
1	Nguyễn Thị Nguyệt	Thị trấn Hoà Thượng, huyện Đồng Hỷ	170	39	0,074	LUC	0,074	0,074			Đơn xin chuyển mục đích; Giấy chứng nhận QSD đất, Sơ đồ vị trí ranh giới	Phù hợp	Phù hợp			
2	Nguyễn Thị Nguyệt	Thị trấn Hoà Thượng, huyện Đồng Hỷ	193	40	0,058	LUC	0,058	0,0576			Đơn xin chuyển mục đích; Giấy chứng nhận QSD đất, Sơ đồ vị trí ranh giới	Phù hợp	Phù hợp			
3	Bùi Thị Liên	Thị trấn Hoà Thượng, huyện Đồng Hỷ	204	40	0,031	LUC	0,031	0,031			Đơn xin chuyển mục đích; Giấy chứng nhận QSD đất, Sơ đồ vị trí ranh giới	Phù hợp	Phù hợp			
		Thị trấn Hoà Thượng, huyện Đồng Hỷ	217	40	0,047	LUC	0,047	0,0473			Đơn xin chuyển mục đích; Giấy chứng nhận QSD đất, Sơ đồ vị trí ranh giới	Phù hợp	Phù hợp			
		Thị trấn Hoà Thượng, huyện Đồng Hỷ	269	39	0,037	LUC	0,037	0,0371			Đơn xin chuyển mục đích; Giấy chứng nhận QSD đất, Sơ đồ vị trí ranh giới	Phù hợp	Phù hợp			
4	Hoàng Thị Hà	Thị trấn Hoà Thượng, huyện Đồng Hỷ	284	39	0,015	LUC	0,015	0,0152			Đơn xin chuyển mục đích; Giấy chứng nhận QSD đất, Sơ đồ vị trí ranh giới	Phù hợp	Phù hợp			